

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI LAI
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 120/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16-06-2020

V/v Tranh chấp không công
nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Long.
2. Ông Lý Hồng Hạnh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Hưng – cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai,
thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số:
38/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc: “Không công nhận
quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2020/QĐST-HNGĐ
ngày 01 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị G**, sinh năm 1969.

ĐKTT: Ấp B, xã T, huyện P, TP. Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông **Đào Văn T**, sinh năm 1969; vắng mặt.

ĐKTT: Ấp Đ, xã Đ, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Trong Đơn khởi kiện ngày 30 tháng 01 năm 2020 cũng như tại phiên tòa
hôm nay nguyên đơn bà Lê Thị G trình bày: Bà và ông T qua tìm hiểu tự tiến tới
hôn nhân vào năm 1986, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Ông bà
chung sống với nhau có 04 con chung tên **Đào Văn Lắm** (nam), sinh năm 1987;
Đào Văn Tuấn E (Nam), sinh năm 1990; **Đào Văn T1** (Nam), sinh năm 1991 và
Đào Văn T2 (nam), sinh năm 1998. Về tài sản chung và nợ chung không có. Quá
trình chung sống cuộc hôn nhân của ông bà có hạnh phúc đến năm 2000 thì phát
sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông T khi uống rượu vào thì hành
hung, đánh đập vợ con và ông bà đã sống ly thân từ năm 2002 cho đến nay. Nhận

thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà G làm đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với ông T. Về con chung: đã trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung là không có.

- Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng phía bị đơn vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông T, về con chung đã trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp: Bà G có Đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông T nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật: “Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng”. Loại tranh chấp này thuộc ngành Luật Hôn nhân và Gia đình điều chỉnh. Do bị đơn có nơi cư trú tại huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai theo Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: do bị đơn ông Đào Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T là phù hợp.

[3] Xét thấy giữa bà G và ông T tự nguyện tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn nên xem như hôn nhân không hợp pháp, khi ly hôn cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn: do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cự cãi, không có tiếng nói chung. Đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn hôn nhân trầm trọng, bà G và ông T đã sống ly thân với nhau nhiều năm. Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình Tòa án giải quyết đã triệu tập hợp lệ đối với ông T nhưng ông T vẫn vắng mặt, điều này chứng tỏ ông T không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của bà G đối với ông T.

[4] Về con chung: Ông bà có 04 con chung tên **Đào Văn Lắm** (nam), sinh năm 1987; **Đào Văn Tuấn E** (Nam), sinh năm 1990; **Đào Văn T1** (Nam), sinh

năm 1991 và **Đào Văn T2** (nam), sinh năm 1998. Tất cả đã trưởng thành nên không đặt ra xE xét.

[5] Về tài sản chung: không có.

[6] Về nợ chung: không có, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận Đơn khởi kiện của bà Lê Thị G.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị G và ông Đào Văn T.

- Về con chung: Đã Trưởng thành.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, nếu sau này có phát sinh tranh chấp tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về án phí: Bà G phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển tiền tạm ứng án phí bà G đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 015480 ngày 14/02/2020 thành án phí xE như bà G đã nộp xong.

Đương sự có mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày T1 từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thới Lai;
- Chi cục THADS huyện Thới Lai;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

Trần Thị Phương Anh